PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án thành phần số 3: Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2026-2030) Khu KTQP Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thuộc dự án: Đầu tư xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng/Quân khu 4.

1.2. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

1.3. Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông nông thôn loại B, C (miền núi); Công trình Dân dụng, cấp III, IV; Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV; Công trình thủy lợi, cấp IV.

1.4. Cấp Quyết định đầu tư: Bộ Quốc phòng.

1.5. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Quân khu 4.

- Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng: Đoàn KTQP 4/QK4.

1.6. Địa điểm xây dựng: Tại 08 xã thuộc tỉnh Nghệ An, gồm: Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Quế Phong, Thông Thụ, Tiền Phong, Tri Lễ và Nhôn Mai.

1.7. Quy mô đầu tư:

1.7.1. Công trình giao thông:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng mới 03 tuyến đường giao thông theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Đường cấp B, C (miền núi), với tổng chiều dài các tuyến 12,698 km. Cụ thể:

(1) Đường giao thông bản Nậm Khiên 1, xã Na Ngoi: Chiều dài tuyến 8.375,41m. Điểm đầu tại ngã ba Nậm Càn thuộc địa phận xã Na Ngoi, điểm cuối nối tiếp với đường hiện trạng hướng đi xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Công trình trên tuyến: Xây mới 22 cống bản KĐ=1,0m; 02 cống bản KĐ=2,0m; Sửa chữa 01 cầu tràn; Xây mới hệ thống rãnh thoát nước dọc và hệ thống an toàn giao thông.

(2) Đường nội bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi (gồm 01 tuyến chính và 11 tuyến nhánh): Chiều dài tuyến 2.337,40m. Tuyến chính có điểm đầu đấu nối với Đường giao thông bản Nậm Khiên 1, xã Na Ngoi; điểm cuối đấu nối với đường bê tông hiện trạng. Các tuyến nhánh kết nối đường hiện trạng vào các khu dân cư nội bản Nậm Khiên 2.

- Công trình trên tuyến: Xây mới 19 cống bản KĐ=1,0m; hệ thống rãnh thoát nước dọc và hệ thống an toàn giao thông.

(3) Đường vào khu sản xuất Liên Sơn, xã Na Ngoi: Chiều dài 1.985,00m. Điểm đầu tại đường bê tông hiện trạng tại bản Liên Sơn, điểm cuối tuyến kết thúc tại cổng vào khu sản xuất bản Liên Sơn.

- Công trình trên tuyến: Xây mới 04 cống bản KĐ=1,0m; 05 cống bản KĐ=2,0m; hệ thống rãnh thoát nước dọc; hệ thống an toàn giao thông.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

- Phần tuyến: Thiết kế theo TCVN 10380:2014

+ Đường giao thông nông thôn - Đường cấp B (miền núi): Vận tốc thiết kế 20km/h; Chiều rộng mặt đường Bm=3,5m; chiều rộng nền đường Bn=5,0m; chiều rộng lề đường Bl=2x0,75m; Độ dốc lớn nhất i_{max}=13%; Kết cấu mặt đường bê tông xi măng (BTXM) mác 250 đá 2x4 dày 18cm, dưới lót giấy dầu chống mất nước và lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=37,5mm, dày 16cm; Kết cấu lề, nền đường đắp bằng đất tận dụng, hệ số đầm chặt k ≥ 0,95. Độ dốc ngang mặt đường và lề có gia cố: i_n = 2%. Độ dốc ngang lề đường không gia cố: i_n = 4%.

+ Đối với Đường giao thông vào bản Nậm Khiên 1, xã Na Ngoi: Hiện trạng một bên là núi cao, một bên là vực sâu do đó châm chước độ dốc dọc tối đa 15% với tổng chiều dài 1.162,0m và 18% với tổng chiều dài 196,0m (hiện trạng dốc 20%) để bám nền đường tự nhiên, giảm khối lượng đào đắp và hạn chế phát sinh đền bù GPMB cũng như đấu nối với các hộ dân cư 2 bên tuyến theo kiến nghị của địa phương.

+ Đường cấp C (miền núi): Vận tốc thiết kế 20km/h; Chiều rộng mặt đường Bm=3,0m; chiều rộng nền đường Bn=4,0m; chiều rộng lề đường Bl=2x0,5m; Độ dốc lớn nhất imax=15%; Kết cấu mặt đường BTXM mác 250 đá 2x4 dày 16cm, dưới lót giấy dầu chống mất nước và lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 D_{max}=37,5mm, dày 14cm; Kết cấu lề, nền đường đắp bằng đất tận dụng, hệ số đầm chặt k ≥ 0,95. Độ dốc ngang mặt đường và lề có gia cố: i_n = 2%. Độ dốc ngang lề đường không gia cố: i_n = 4%.

+ Đối với Đường nội bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi: Tuyến chính: Hiện trạng một bên là núi cao, một bên là vực sâu do đó châm chước độ dốc dọc tối đa 22% với tổng chiều dài 580,0m (hiện trạng dốc 25%) để bám nền đường tự nhiên, giảm khối lượng đào đắp và hạn chế phát sinh đền bù GPMB theo kiến nghị của địa phương. Tuyến nhánh 2: Châm chước độ dốc dọc tối đa 20,75% với chiều dài 17,80m đoạn cuối tuyến để kết nối các đường hiện trạng nội bản. Tuyến nhánh 8: Châm chước độ dốc dọc tối đa 18% với chiều dài 37,33m đoạn đầu tuyến để kết nối giữa đường hiện trạng và lối vào các hộ dân trên tuyến.

+ Đối với Đường vào khu sản xuất Liên Sơn, xã Na Ngoi: Đường bê tông kết nối tại ngã 3 Nậm Càn (TL534D hiện trạng) vào điểm đầu tuyến độ dốc dọc hiện trạng 18%-25%, dốc dọc tự nhiên trên tuyến 20%-25%, địa hình một bên là vực sâu. Do đó, châm chước độ dốc dọc tối đa 22,5% với tổng chiều dài 1.612,0m để bám nền đường tự nhiên, giảm khối lượng đào đắp và hạn chế phát sinh đền bù GPMB cũng như đấu nối với các hộ dân cư 2 bên tuyến theo kiến nghị của địa phương.

- Công trình trên tuyến:

+ Thoát nước ngang: Thân cống BTCT mác 250, đá 2x4 và mác 250, đá 1x2 đổ tại chổ và đúc sẵn; Móng, chân khay, sân cống gia cố bằng BTXM mác 200, đá 2x4; Tường đầu, tường cánh BTXM mác 200, đá 2x4; Lớp phủ bảo vệ cống BTXM mác 250, đá 1x2; Xà mũ, Giằng BTCT mác 250, đá 1x2.

+ Thoát nước dọc: Thoát nước mặt đường ra mặt đất tự nhiên hai bên tuyến đối với nền đường đắp, thoát ra rãnh dọc hở hình thang KT(90x30x30)cm đối với nền đường đào. Những đoạn gia cố rãnh lắp đặt tấm lát BTCT đúc sẵn; Móng rãnh đổ BTXM mác 200, đá 1x2.

+ Hệ thống an toàn giao thông thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

1.7.2. Công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng mới 03 công trình thủy lợi và 01 công trình cấp nước sinh hoạt.

(1) Mương tưới tiêu bản Nậm Khiên 1, xã Na Ngoi (diện tích tưới tiêu 15ha): Xây dựng 01 Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m và hệ thống dẫn nước từ tràn dâng về khu tưới tổng chiều dài 1.570,93m (gồm đường ống và kênh dẫn nước), trong đó: Hệ thống kênh dẫn bằng BTCT kích thước (0,4x0,5)m dài 922,91m; Hệ thống đường ống HDPE-D200 dài 648,1m và các công trình trên tuyến; Các tuyến ống nhánh về 03 khu tưới bằng ống HDPE-D90; D110 dài 832,5m; Xây dựng 01 bể trữ nước.

(2) Mương tưới tiêu bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi (diện tích tưới tiêu 15ha): Xây dựng 01 Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m và hệ thống dẫn nước từ tràn dâng về khu tưới tổng chiều dài 598,22m, trong đó: Hệ thống mương dẫn bằng BTCT kích thước (0,3x0,5)m dài 370,3m; hệ thống đường ống HDPE-D200 dài 227,9m và công trình trên tuyến (Cửa vào và cửa ra đường ống 01 cái dài 2,7m) để vượt qua khe và cấp nước vào ruộng.

(3) Công trình thủy lợi bản Buộc Bú, xã Na Ngoi (diện tích tưới tiêu 15ha): Xây dựng 01 Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 12,0m và hệ thống dẫn nước từ tràn dâng về khu tưới, tổng chiều dài 709,33m; Hệ thống mương dẫn bằng BTCT kích thước (0,5x0,6)m dài 385,77m; hệ thống đường ống HDPE D250 dài 323,6m và công trình trên tuyến dài 18,9m để vượt qua khe và cấp nước vào ruộng.

(4) Công trình cấp nước sinh hoạt Bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi (cấp nước cho 100 hộ dân): Xây dựng 01 Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m và hệ thống dẫn nước từ tràn dâng về bể chứa. Xây dựng 01 bể chứa nước tổng, kích thước (4,0x7,2x2,1)m. Xây dựng đường ống phân phối cấp nước về các cụm bể dân cư (08 bể hiện trạng) bằng ống HDPE dài 2650,79m. Xây dựng 03 bể cụm dân cư kết hợp nhà tắm công cộng, kích thước bể (1,9x3,0x1,35)m.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

(1) Mương tưới tiêu bản Nậm Khiên 1, xã Na Ngoi:

- Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m; Cửa vào tràn dài 2,7m; mặt cắt ngang hình thang đáy rộng 2,9m; cao 2,7m; mái m=1,5. Bản đáy và mái gia cố BTCT, dày 20cm. Bên trái cửa vào bố trí công trình thu nước gồm các ngăn hứng, ngăn chứa, kích thước (2,8x2,3x1,32)m; Tường bao và tường ngăn bằng BTCT dày 15cm. Ngưỡng tràn mặt cắt hình thang đỉnh rộng 1m; cao 1,4m; mái thượng lưu thẳng đứng; mái hạ lưu m=1. Kết cấu thân tràn BTXM; bản đáy và bọc ngoài bằng BTCT dày 20cm. Dốc sau ngưỡng tràn dài 2,15m; mái nghiêng m=1,5. Sân thượng lưu BTCT kích thước (2,8x18)m dày 20cm; lót BTXM dày 10cm. Tường cánh hai bê sân thượng lưu BTXM cao 1,9m, mặt cắt ngang hình thang kích thước (0,3x0,7)m. Sân tiêu năng BTCT kích thước (2,7x18)m dày 20cm; phía dưới có tầng lọc ngược tiêu thoát nước. Tường cánh hai bên sân tiêu năng bằng BTXM dạng hình thang kích thước (0,3x0,55x0,8)m dài 3,55m. Sau sân tiêu năng xếp rọ đá kích thước (2,0x1,0x1,0)m để chống xói chân khay.

- Hệ thống dẫn nước thô từ tràn dâng về bể trữ nước:

+ Tuyến kênh chính dài 922,91m. Kết cấu: Kênh thiết kế mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,4x0,5)m kết cấu bằng BTXM; chiều dày thành và đáy kênh 15cm; đáy lót bạt xác rắn. Dọc theo tuyến kênh cứ 11,8m làm một khe lún bằng giấy dầu 2 lớp và 4 thanh giằng ngang bằng BTCT tiết diện (0,12x0,12)m;

+ Tuyến đường ống HDPE-D200 dài 648,1m. Đường ống chạy men theo sườn đồi và trục giao thông, qua cầu bắc qua khe suối, tuyến ống cấp nước có dạng mạng lưới cụt, lưu lượng lấy tại các điểm nút là lưu lượng tập trung, chôn sâu trung bình 0,5m. Trên tuyến bố trí 01 van nhánh lấy nước, 01 van xả cặn. Tại các vị trí ống chuyển hướng, thay đổi đường kính, phân phối nước bố trí các thiết bị cút, côn và tê. Hố van kích thước (1,3x1,3)m; đáy bằng BTXM, dày 15cm; Tường BTXM cao trung bình 1,1m dày 15cm; Nắp hố van bằng BTCT kích thước (0,94x0,94)m, dày 10cm. Cửa tiêu năng trước và sau đường ống (06 cái) dài 16,2m. Kết cấu: Cửa tiêu năng bằng BTXM mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,4x0,8)m, chiều dày thành và đáy 15cm, đáy lót bạt xác rắn.

+ Tuyến đường ống HDPE-D110 dài 403,16m cấp nước về khu tưới 2 của bản, tưới cho hơn 12ha lúa.

+ Tuyến đường ống HDPE-D90 dài 429,34m cấp nước về khu tưới 1 và khu tưới 3 của bản, tưới cho hơn 3ha lúa.

- Bể trữ nước: Kích thước bể (5,2x10,2x1,0)m. Kết cấu: lót đáy bằng BTXM dày 10cm; tiếp theo 3 lớp bitum nóng (nhựa bitum 4,2kg/m2); đáy bể bằng BTCT, dày 20cm; tường bể bằng BTCT, dày 20cm; nắp bể bằng BTCT, dày 10cm. (2)Mương tưới tiêu bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi:

- Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m; Cửa vào tràn dài 2,7m; mặt cắt ngang hình thang đáy rộng 2,9m; cao 2,7m; mái m=1,5. Bản đáy và mái gia cố BTCT, dày 20cm. Bên trái cửa vào bố trí công trình thu nước gồm các ngăn hứng, ngăn chứa, kích thước (2,8x2,3x1,32)m; Tường bao và tường ngăn bằng BTCT dày 15cm. Ngưỡng tràn mặt cắt hình thang đỉnh rộng 1m; cao 1,4m; mái thượng lưu thẳng đứng; mái hạ lưu m=1. Kết cấu thân tràn BTXM; bản đáy và bọc ngoài bằng BTCT dày 20cm. Dốc sau ngưỡng tràn dài 2,15m; mái nghiêng m=1,5. Sân thượng lưu BTCT kích thước (2,8x18)m dày 20cm; lót BTXM dày 10cm. Tường cánh hai bê sân thượng lưu BTXM cao 1,9m, mặt cắt ngang hình thang kích thước (0,3x0,7)m. Sân tiêu năng BTCT kích thước (2,7x18)m dày 20cm; phía dưới có tầng lọc ngược tiêu thoát nước. Tường cánh hai bên sân tiêu năng bằng BTXM dạng hình thang kích thước (0,3x0,55x0,8)m dài 3,55m. Sau sân tiêu năng xếp rọ đá kích thước (2,0x1,0x1,0)m để chống xói chân khay.

- Hệ thống dẫn nước thô từ tràn dâng về khu tưới:

+ Tuyến kênh chính dài 370,3m. Kết cấu: Kênh thiết kế mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,4x0,5)m kết cấu bằng BTXM; chiều dày thành và đáy kênh 15cm; đáy lót bạt xác rắn. Dọc theo tuyến kênh cứ 11,8m làm một khe lún bằng giấy dầu 2 lớp và 4 thanh giằng ngang bằng BTCT tiết diện (0,12x0,12)m;

+ Tuyến đường ống HDPE-D200 dài 227,9m. Đường ống chạy men theo sườn đồi và trục giao thông, qua cầu bắc qua khe suối, tuyến ống cấp nước có dạng mạng lưới cụt, lưu lượng lấy tại các điểm nút là lưu lượng tập trung, chôn sâu trung bình 0,5m. Trên tuyến bố trí 01 van nhánh lấy nước, 01 van xả cặn. Tại các vị trí ống chuyển hướng, thay đổi đường kính, phân phối nước bố trí các thiết bị cút, côn và tê. Hố van kích thước (1,3x1,3)m; đáy bằng BTXM, dày 15cm; Tường BTXM cao trung bình 1,1m dày 15cm; Nắp hố van bằng BTCT kích thước (0,94x0,94)m, dày 10cm. Cửa tiêu năng trước và sau đường ống (01 cái) dài 2,7m. Kết cấu: Cửa tiêu năng bằng BTXM mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,4x0,8)m, chiều dày thành và đáy 15cm, đáy lót bạt xác rắn.

(3) Công trình thủy lợi bản Buộc Mú, xã Na Ngoi:

- Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 12,0m; Cửa vào tràn dài 2,7m; mặt cắt ngang hình thang đáy rộng 2,9m; cao 2,7m; mái m=1,5. Bản đáy và mái gia cố BTCT, dày 20cm. Bên trái cửa vào bố trí công trình thu nước gồm các ngăn hứng, ngăn chứa, kích thước (2,8x2,3x1,32)m; Tường bao và tường ngăn bằng BTCT dày 15cm. Ngưỡng tràn mặt cắt hình thang đỉnh rộng 1m; cao 1,4m; mái thượng lưu thẳng đứng; mái hạ lưu m=1. Kết cấu thân tràn BTXM; bản đáy và bọc ngoài bằng BTCT dày 20cm. Dốc sau ngưỡng tràn dài 2,15m; mái nghiêng m=1,5. Sân thượng lưu BTCT kích thước (2,8x12)m dày 20cm; lót BTXM dày 10cm. Tường cánh hai bê sân thượng lưu BTXM cao 1,9m, mặt cắt ngang hình thang kích thước (0,3x0,7)m. Sân tiêu năng BTCT kích thước (2,7x12)m dày 20cm; phía dưới có tầng lọc ngược tiêu thoát nước. Tường cánh hai bên sân tiêu năng bằng BTXM dạng hình thang kích thước (0,3x0,55x0,8)m dài 3,55m. Sau sân tiêu năng xếp rọ đá kích thước (2,0x1,0x1,0)m để chống xói chân khay.

- Hệ thống dẫn nước thô từ tràn dâng về khu tưới: Xây dựng mương tưới và các tuyến ống tổng chiều dài 709,33m, cụ thể:

+ Tuyến kênh chính dài 385,77m. Kết cấu: Kênh thiết kế mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,5x0,6)m kết cấu bằng BTCT; chiều dày thành và đáy kênh 15cm; đáy lót bạt xác rắn. Dọc theo tuyến kênh cứ 11,8m làm một khe lún bằng giấy dầu 2 lớp và 4 thanh giằng ngang bằng BTCT tiết diện (0,12x0,12)m;

+ Tuyến đường ống HDPE-D250 dài 323,6m. Đường ống chạy men theo sườn đồi và trục giao thông, qua cầu bắc qua khe suối, tuyến ống cấp nước có dạng mạng lưới cụt, lưu lượng lấy tại các điểm nút là lưu lượng tập trung, chôn sâu trung bình 0,5m. Trên tuyến bố trí 01 van nhánh lấy nước, 01 van xả cặn. Tại các vị trí ống chuyển hướng, thay đổi đường kính, phân phối nước bố trí các thiết bị cút, côn và tê. Hố van kích thước (1,3x1,3)m; đáy bằng BTXM, dày 15cm; Tường BTXM cao trung bình 1,1m dày 15cm; Nắp hố van bằng BTCT kích thước (0,94x0,94)m, dày 10cm. Cửa tiêu năng trước và sau đường ống (07 cái) dài 18,9m. Kết cấu: Cửa tiêu năng bằng BTXM mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (0,6x0,9)m, chiều dày thành và đáy 15cm, đáy lót bạt xác rắn.

(4) Công trình cấp nước sinh hoạt Bản Nậm Khiên 2, xã Na Ngoi:

- Đập tràn dâng đầu mối có khẩu độ 18,0m; Cửa vào tràn dài 2,7m; mặt cắt ngang hình thang đáy rộng 2,9m; cao 2,7m; mái m=1,5. Bản đáy và mái gia cố BTCT, dày 20cm. Bên trái cửa vào bố trí công trình thu nước gồm các ngăn hứng, ngăn chứa, kích thước (2,8x3,95x1,32)m; Tường bao và tường ngăn bằng BTCT dày 15cm. Ngưỡng tràn mặt cắt hình thang đỉnh rộng 1m; cao 1,4m; mái thượng lưu thẳng đứng; mái hạ lưu m=1. Kết cấu thân tràn BTXM; bản đáy và bọc ngoài bằng

BTCT dày 20cm. Dốc sau ngưỡng tràn dài 2,15m; mái nghiêng m=1,5. Sân thượng lưu BTCT kích thước (2,8x18)m dày 20cm; lót BTXM dày 10cm. Tường cánh hai bê sân thượng lưu BTXM cao 1,9m, mặt cắt ngang hình thang kích thước (0,3x0,7)m. Sân tiêu năng BTCT kích thước (2,7x18)m dày 20cm; phía dưới có tầng lọc ngược tiêu thoát nước. Tường cánh hai bên sân tiêu năng bằng BTXM dạng hình thang kích thước (0,3x0,55x0,8)m dài 3,55m. Sau sân tiêu năng xếp rọ đá kích thước (2,0x1,0x1,0)m để chống xói chân khay.

- Hệ thống dẫn nước thô từ tràn dâng về khu tưới: Ống chôn sâu trung bình 0,5m. Tại các vị trí ống chuyển hướng, thay đổi đường kính, phân phối nước bố trí các thiết bị cút, côn và tê.

+ Tuyến ống HDPE-D110, tổng chiều dài 660m.

+ Tuyến ống HDPE-D90, tổng chiều dài 1.619,96m.

+ Tuyến ống HDPE-D63 về các bể, tổng chiều dài 334,12m.

+ Tuyến ống nhánh phân phối về các bể (gồm 08 bể hiện trạng và 03 bể xây mới) bằng ống HDPE-D32 dài 2.650,79m.

+ Trên tuyến ống bố trí 11 van, gồm: 04 van khóa, 04 van xả cặn, 03 van xả khí. Đáy hố van phụ kích thước (1,3x1,3)m, hố van chính kích thước (1,5x1,5)m bằng BTXM dày 15cm. Tường hố van bằng BTXM dày 15cm, cao trung bình 1,1m. Nắp hố van BTCT kích thước (0,94x0,94)cm dày 10cm.

- Xây dựng 01 Bể trữ nước (bể tổng): Bể 2 ngăn, ngăn lọc kích thước (3,2x4,0x2,1)m; ngăn chứa kích thước (4,0x4,0x2,1)m. Kết cấu: Bằng BTCT (thành dày 25cm, đáy dày 30cm). Sân rửa rộng 1,85m, đổ BTXM dày 18cm.

- Xây dựng 03 bể cụm (chứa nước và nhà tắm):

+ Phần bể 02 ngăn: ngăn lọc kích thước (0,8x1,6x1,35)m; Ngăn chứa kích thước (2,05x1,6x1,35)m bằng BTCT. Sân rửa rộng 1,5m bằng BTXM dày 10cm.

+ Phần nhà tắm: Móng, tường nhà tắm xây gạch đặc không nung VXM M75, dày 11cm, cao 2,2m; Nền BTXM dày 15cm; Hệ dầm, giằng bằng BTCT; Sàn mái đổ BTCT dày 10cm; Toàn bộ tường trát VXM, lăn sơn 3 nước màu, lắp cửa sắt có khóa, chốt đồng bộ.

1.7.3. Công trình thuộc doanh trại SCH Đoàn KTQP 4 tại xã Tri Lễ:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Nâng cấp, cải tạo công trình tại Sở Chỉ huy Đoàn KTQP 4 (Nhà: S1, S2, S4, T); Xây dựng mới chuồng nuôi bò, lợn, gà (áp dụng thiết kế mẫu chuồng trại chăn nuôi tại Quyết định số 74/QĐ-TCHC ngày 17/1/2025 của Tổng cục Hậu cần/BQP ban hành); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (cổng, hàng rào; nâng cấp sân, đường bê tông; san, gạt mặt bằng).

(1) Nâng cấp, cải tạo công trình tại Sở Chỉ huy Đoàn KTQP 4:

- Nâng cấp, cải tạo Nhà ở và làm việc Chỉ huy (S1):

+ Quy mô, công năng hiện trạng: Nhà cấp IV; 01 tầng; diện tích xây dựng 310m², diện tích sàn 310m²; Kích thước nhà theo tim trục định vị là (29,7x9,9)m; gồm 9 bước gian 3,3m; nhịp chính 6,3m; Giao thông ngang bằng hành lang trước 1,8m; hành lang sau kết hợp phòng vệ sinh rộng 1,8m; cao trình cos +0,00 (cốt nền nhà) cao hơn sân trước nhà 45cm; chiều cao tầng 1 là 3,3m; chiều cao mái 3,0m; chiều cao toàn nhà tính từ cốt nền nhà là +6,3m. Công năng sử dụng hiện trạng gồm 01 phòng giao ban 41m²; 7 phòng ở và làm việc 20m²; 07 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau nhà. Nhà xây dựng năm 2011; kiến trúc đã xuống cấp nghiêm trọng; hệ thống mái đã gỉ sét, thấm dột; tường thu hồi bị nứt; tường trong và ngoài nhà bong tróc, nứt, rêu mốc nhiều vị trí; gạch lát nền bong rộp, hư hỏng nhiều; hệ thống cửa bằng gỗ đã cũ, mối mọt, xuống cấp; hệ thống điện, điện chiếu sáng chập cháy, nhiều phòng đã thay thế nhưng thiết bị không đồng bộ; hệ thống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh đã cũ, rò rỉ, bố trí công năng trong các phòng vệ sinh đã lỗi thời, không khoa học.

+ Quy mô, công năng sau cải tạo: Giữ nguyên diện tích, bước gian, nhịp chính và kết cấu hiện trạng. Công năng sử dụng sau cải tạo gồm 01 phòng giao ban 61m²; 6 phòng làm việc 20m²; 07 phòng vệ sinh và 1 phòng kỹ thuật ở hành lang sau.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà ở và làm việc Chỉ huy (S2):

+ Quy mô, công năng hiện trạng: Nhà cấp IV; 01 tầng; diện tích xây dựng 248m², diện tích sàn 248m²; Kích thước nhà theo tim trục định vị là (23,1x9,9)m; gồm 7 bước gian 3,3m; nhịp chính 6,3m; Giao thông ngang bằng hành lang trước 1,8m; hành lang sau kết hợp phòng vệ sinh rộng 1,8m; cao trình cos +0,00 (cốt nền nhà) cao hơn sân trước nhà 45cm; chiều cao tầng 1 là 3,3m; chiều cao mái 3,0m; chiều cao toàn nhà tính từ cốt nền nhà là +6,3m. Công năng sử dụng hiện trạng gồm 7 phòng ở và làm việc 20m²; 07 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau nhà. Hiện trạng xuống cấp tương tự nhà S1.

+ Quy mô, công năng sau cải tạo: Giữ nguyên diện tích, bước gian, nhịp chính và kết cấu hiện trạng. Công năng sử dụng sau cải tạo: 07 phòng ở 20m²; 07 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà khám và điều trị (S4):

+ Quy mô, công năng hiện trạng: Nhà cấp IV; 01 tầng; diện tích xây dựng 244m², diện tích sàn 244m²; Kích thước nhà theo tim trục định vị là (23,1x9,9)m; gồm 7 bước gian 3,3m; nhịp chính 6,3m; Giao thông ngang bằng hành lang trước 1,8m; hành lang sau kết hợp phòng vệ sinh rộng 1,8m; cao trình cos +0,00 (cốt nền nhà) cao hơn sân trước nhà 45cm; chiều cao tầng 1 là 3,3m; chiều cao mái 3,0m; chiều cao toàn nhà tính từ cốt nền nhà là +6,3m. Công năng sử dụng hiện trạng gồm 7 phòng khám và điều trị 20m²; 07 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau nhà. Hiện trạng xuống cấp tương tự nhà S1.

+ Quy mô, công năng sau cải tạo: Giữ nguyên diện tích, bước gian, nhịp chính và kết cấu hiện trạng. Công năng sử dụng sau cải tạo: 07 phòng ở và điều trị 20m²; 07 khu vệ sinh kết hợp hành lang sau.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà khách (T):

+ Quy mô, công năng hiện trạng: Nhà cấp IV; 01 tầng; diện tích xây dựng 180m², diện tích sàn 180m²; Kích thước nhà theo tim trục định vị là (18x9,8)m; gồm 5 bước gian 3,6m; nhịp chính 5,9m; Giao thông ngang bằng hành lang trước 1,8m; hành lang sau kết hợp phòng vệ sinh rộng 1,8m; cao trình cos +0,00 (cốt nền nhà) cao hơn sân trước nhà 45cm; chiều cao tầng 1 là 3,9m; chiều cao mái 2,5m; chiều cao toàn nhà tính từ cốt nền nhà là +6,4m. Công năng sử dụng hiện trạng gồm 5 phòng nghỉ 21m²; 05 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau nhà. Nhà xây dựng năm 2018; kiến trúc đã xuống cấp; hệ thống mái đã gỉ sét, thấm dột; tường trong và ngoài nhà bong tróc, rêu mốc nhiều vị trí; gạch lát nền bong rộp, hư hỏng; hệ thống cửa bằng nhựa đã cũ, xuống cấp; hệ thống điện, điện chiếu sáng chập cháy, nhiều phòng đã thay thế nhưng thiết bị không đồng bộ; hệ thống cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh bị rò rỉ.

+ Quy mô, công năng sau cải tạo: Giữ nguyên diện tích, bước gian, nhịp chính và kết cấu hiện trạng. Công năng sử dụng sau cải tạo gồm: 05 phòng nghỉ 21m²; 05 phòng vệ sinh kết hợp hành lang sau nhà.

(2) Các công trình xây dựng mới

- Xây mới Chuồng nuôi bò: Nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 96m2. Kích thước tim trục định vị (16,0x6,0)m; gồm 04 bước gian 4m, nhịp nhà 3,0m; bố trí 01 dãy chuồng, lối đi phía trước rộng 1,4m; cao độ nền so với mặt sân +0,45m; từ nền đến đáy vì kèo mái dưới 3m; đến đỉnh mái hở là 4,5m; chiều cao toàn nhà tính từ cốt nền nhà là +4,2m.

- Xây mới Chuồng nuôi lợn thịt: Nhà cấp IV, 01 tầng; diện tích xây dựng 144m2; Kích thước tim trục (18,0x8,0)m; gồm 05 bước gian 3,6m, nhịp nhà 1,4 và 3,3m; Chiều cao đến trần là 3,0m; cao trình đỉnh mái nhà 4,5m. Dây chuyền mặt bằng bố trí 02 dãy chuồng, mỗi dãy 05 ô chuồng, mỗi ô 12m2; lối đi giữa rộng 1,4m; mỗi ô chuồng lắp đặt 01 máng ăn tự động sức chứa 2 bao (50kg) chất liệu Inox.

- Xây mới Chuồng nuôi gà thịt: Nhà cấp IV, 01 tầng; diện tích xây dựng 160m2; Kích thước tim trục (20,0x8,0)m; gồm 05 bước gian 4,0m, nhịp nhà 2,0 và 6,0m; Chiều cao đến trần là 3,0m; cao trình đỉnh mái nhà 4,5m. Dây chuyền mặt bằng bố trí 01 dãy chuồng, gồm 2 ô 48m2 và 1 ô 24m2; lối đi phía trước rộng 2m.

(3) Các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng 02 cổng vào (01 vào khu trạm xá, 01 cái vào khu chăn nuôi);

- Xây dựng hàng rào, gồm 03 loại:

+ Hàng rào thép gai tổng chiều 352,6m.

+ Hàng rào xây loại 1 (sử dụng mẫu hàng rào do BQP ban hành) tổng chiều dài 406,0m;

+ Hàng rào xây loại 2 (sử dụng mẫu của công trình tương tự) tổng chiều dài 828,08m;

- Nâng cấp sân, đường BTXM: Tổng diện tích 4.566,72m2, trong đó:

+ Sân, đường nội bộ SCH tại Tri Lễ: Tổng diện tích 3.230,5m2, trong đó: Sân lát gạch 405,17m2; Đường BTXM nội bộ trên nền đường cũ (đã hỏng) 1.609,22m2; Đường BTXM nội bộ xây dựng mới 740,08m2; Xây mới 01 sân bóng chuyền diện tích 286m2; Xây mới 01 sân Pickleball diện tích 190m2;

+ Sân, đường nội bộ khu chăn nuôi: Tổng diện tích 1.336,25m2, trong đó: Sân lát gạch 433,80m2; Đường BTXM nội bộ 902,45m2;

- San gạt mặt bằng: Tổng diện tích san gạt mặt bằng 2.162,69m2;

- Cấp điện khu chăn nuôi: Dây cáp hạ thế chiều dài 248,3m; hệ thống cột đỡ bằng thép ống D75 có cáp inox (304) m cáp dẫn và treo dây.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

(1) Nâng cấp, cải tạo công trình tại Sở Chỉ huy Đoàn KTQP 4:

- Nâng cấp, cải tạo Nhà ở và làm việc Chỉ huy (S1):

+ Phương án tháo dỡ, phá dỡ: Phá dỡ tường ngăn mở rộng phòng giao ban, phá dỡ toàn bộ lớp trát tường; phá dỡ gạch lát nền, lớp vữa liên kết gạch lát nền; phá dỡ ốp, lát phòng wc, phá dỡ lớp lót đá 4x6 nền phòng wc; phá dỡ lớp granito mặt, cổ bậc tam cấp và lớp vữa liên kết; phá dỡ lan can trước và lan can sau; cạo bỏ, vệ sinh toàn bộ lớp sơn trần; tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ, cửa vệ sinh; tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh.

+ Giải pháp kiến trúc, kết cấu, hoàn thiện: Nền nhà lát gạch Granite; nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn, bậc cấp lát, ốp đá Granite tự nhiên; da trát lại, lăn sơn 3 nước toàn bộ nhà. Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng khung nhôm hệ (phù hợp QCVN 16:2019/BXD); kính an toàn 02 lớp dày 6,38mm, phụ kiện đồng bộ chính hãng; phía trong các cửa sổ có hoa sắt bảo vệ; cửa đi và cửa sổ lắp khoá, chốt đồng bộ. Mái lợp tôn sóng vuông dày 0.45mm trên hệ xà gồ thép hộp mạ kẽm; tường thu hồi xây mới bằng gạch không nung dày 220, mái lợp buông. Gia cố kết cấu khung BTCT tại vị trí phá tường mở rộng phòng giao ban.

+ Giải pháp cấp điện: Sử dụng hệ thống điện đấu nối từ hệ thống điện mạng ngoài đến tủ điện tổng của nhà đã có; thay mới hệ thống dây dẫn luồn trong ống

nhựa chống cháy đi ngầm tường; thay mới các thiết bị điện đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn hiện hành.

+ Giải pháp chống sét: Hệ thống chống sét thiết kế theo phương án chống sét đánh thẳng và hệ thống tiếp địa bảo vệ; Yêu cầu điện trở nối đất R<10Ω.

+ Giải pháp cấp, thoát nước: Cấp nước: Hệ thống cấp nước cho toàn nhà dùng sử dụng hệ thống đường ống cũ; lắp đặt mới 02 bể Inox 2m³ đặt trên mái, sau đó nước tự chảy đến các thiết bị sử dụng thông qua bơm tăng áp. Thay mới hệ thống ống cấp, thiết bị phụ kiện đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Thoát nước: Nước thải chậu rửa được thu vào ống thoát nước sau đó thoát về rãnh thoát nước phía sau công trình, riêng thoát nước tiểu và bệ xí dẫn về bể tự hoại được xử lý cục bộ sau đó đó thoát ra hệ thống rãnh thoát nước chung. Xây dựng mới 02 bể tự hoại, mỗi bể có dung tích 4m³.

+ Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Sử dụng phương án bình chữa cháy xách tay (đã được kiểm định) đặt trong hộp bằng tôn sơn tĩnh điện, mỗi hộp bố trí 02 bình ABC-MFZL4 và 01 bình khí CO2 phía trên mỗi hộp bố trí tiêu lệnh chữa cháy theo quy định; bố trí tại cầu thang, hành lang, nơi dễ thấy, dễ lấy.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà ở và làm việc Chỉ huy (S2); Nhà khám và điều trị (S4); Nhà khách (T): Tương tự nhà S1;

(2) Các công trình xây dựng mới:

- Xây mới Chuồng nuôi bò:

+ Giải pháp kết cấu: Móng đơn, cột BTCT; Móng tường xây đá hộc; tường nhà xây gạch không nung VXM mác 75. Hệ vì kèo thép hộp mạ kẽm đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 5575-2024 liên kết bulong cấp bền 8.8 với đường hàn 6mm tại các điểm liên kết. Hệ xà gồ thép mạ kẽm. Mái 02 cấp, mái lợp tôn xốp cách nhiệt sóng vuông dày 0.45mm.

+ Giải pháp hoàn thiện: Tường trát VXM mác 75; quét vôi ve màu vàng; nền chuồng đổ BTXM dốc về rãnh thu phân, đánh phẳng mặt bằng máy. Các ô thoáng thông gió mặt đứng bằng bạt HDPE dày 0,45mm bằng lò xo tự cuốn. Cửa đi sử dụng hệ khung thép hộp mạ kẽm kết hợp tấm sắt dày 1mm.

+ Giải pháp cấp điện: Hệ thống điện đấu nối từ hệ thống điện mạng ngoài đến tủ điện tổng nhà bằng cáp ngầm, dây dẫn từ tủ điện tổng đến các thiết bị điện được luồn trong ống nhựa chống cháy đi ngầm tường, sàn hoặc đi nổi theo vì kèo; các thiết bị điện đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn hiện hành.

+ Giải pháp cấp nước: Nước sử dụng được cấp từ tháp nước đặt trên cao (chi tiết xem quy mô chuồng nuôi gà) tự chảy qua đường ống đến các thiết bị dùng nước; hệ thống đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa Tiền Phong Class2; cấp nước uống

cho bò bằng máng tự động, chất liệu nhựa kích thước 290x250x110mm (mỗi con bố trí 1 máng).

+ Giải pháp thoát nước và phân: Thoát nước sàn và phân được thu về rãnh thoát nước được bố trí sau chuồng, sau đó chảy vào hầm thu phân.

- Xây mới Chuồng nuôi lợn thịt: Tương tự chuồng nuôi bò.

- Xây mới Chuồng nuôi gà thịt: Tương tự chuồng nuôi lợn. Riêng hệ thống cấp nước: Xây dựng 01 bể nước bằng BTCT, kích thước (2x3x2,2)m. Xây dựng 01 tháp nước bằng thép hộp mạ kẽm cao 4,5m, bố trí 01 bồn Inox 1000 lít. Xây dựng 01 giếng khoan.

(3) Các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng 02 cổng vào (01 tại khu trạm xá, 01 cái vào khu chăn nuôi), mỗi cổng gồm: 02 trụ kích thước 0,6x0,6m, đỉnh trụ cao 3,2m, lõi trụ BTCT kích thước 220x220mm trên đế trụ BTCT; Cánh cổng bằng thép hộp mạ kẽm, bề rộng 4,9m, gồm 2 cánh cổng, mỗi cánh cao 2,7m có hệ thống bản lề cối, khóa chốt đồng bộ;

- Xây dựng hàng rào, gồm 03 loại:

+ Hàng rào thép gai có kết cấu chính là các trụ BTCT khoảng cách trung bình 3m/trụ đặt trên đế móng BTXM, lưới thép gai căng dạng ô vuông, đan kích thước 15x15cm.

+ Hàng rào xây loại 1 (sử dụng mẫu hàng rào do BQP ban hành): móng tường rào xây đá hộc VXM mác 75, hệ thống giằng và trụ BTCT, tường xây và ốp trụ gạch đặc không nung VXM mác 75, toàn bộ lăn sơn trực tiếp 3 nước, trang trí bằng các viên gạch gốm 200x200mm và bảo đảm an toàn bằng hệ chông sắt gắn đỉnh tường;

+ Hàng rào xây loại 2 (sử dụng mẫu của công trình tương tự): móng tường rào xây đá hộc VXM mác 75, hệ thống giằng và trụ BTCT, tường xây và ốp trụ gạch đặc không nung VXM mác 75, toàn bộ lăn sơn trực tiếp 3 nước, bảo đảm an toàn bằng hệ thép gai gắn đỉnh tường;

- Nâng cấp sân, đường BTXM:

+ Sân, đường nội bộ SCH tại Tri Lễ:

Sân lát gạch cấu tạo gồm các lớp: Lát gạch Ceramic chống trơn; lót BTXM dày 10cm; Đào kết cấu sân cũ dày trung bình 10cm; Nền đất tự nhiên.

Đường BTXM nội bộ trên nền đường cũ (đã hỏng), cấu tạo gồm các lớp: Lớp BTXM dày 18cm chia ô 5x5m; lớp bạt lót chống mất nước; Đào bóc nền đường cũ dày trung binh 10cm; Đào khuôn đường dày 8cm; Lớp đất xáo xới đầm chặt k=0,95 dày 30cm; Nền đất tự nhiên;

Đường BTXM nội bộ xây dựng mới, cấu tạo gồm các lớp: Lớp BTXM dày 18cm chia ô 5x5m; lớp bạt lót chống mất nước; Lớp đất tạo mặt bằng đầm chặt k=0,95 dày trung bình 30cm; Đào bóc phong hóa dày 30cm; Nền đất tự nhiên;

Sân bóng chuyền và sân Pickleball, cấu tạo mặt sân gồm: Lớp sơn phủ màu xanh tiêu chuẩn (02 lớp); lớp sơn đệm (02 lớp); lớp sơn chống thấm; lớp BTXM dày 10cm trên lớp bạt lót chống mất nước; lớp đất tự nhiên đầm chặt;

+ Sân, đường nội bộ khu chăn nuôi:

Sân lát gạch cấu tạo gồm các lớp: Lát gạch Terazzo; lót BTXM dày 10cm; Đất san nền;

Đường BTXM nội bộ, cấu tạo gồm các lớp: Lớp BTXM dày 18cm chia ô 5x5m; lớp bạt lót chống mất nước; Lớp đất tạo mặt bằng đầm chặt k=0,95 dày trung bình 30cm; Đào bóc phong hóa dày trung bình 30cm; Nền đất tự nhiên;

- San gạt mặt bằng: Đất san gạt lu lèn hệ số K90. Tạo độ dốc i=0,5% về hướng Đông giáp hướng khe cạn, trong đó: diện tích đào 1.261,92m2; diện tích đắp 900,77m2;

- Cấp điện khu chăn nuôi: Nguồn cấp điện cho các hạng mục chăn nuôi là nguồn điện 2 pha đấu nối từ hệ thống điện hiện hữu ngoài nhà của Doanh trại; sử dụng cáp hạ thế XLPE/PVC/CXV chiều dài 248,3m treo hệ thống cột đỡ bằng thép ống D75 dày 3,0mm theo dây cáp inox (304) phi 4mm làm cáp dẫn và treo dây, đột đỡ cao 5,6m so với cốt tự nhiên; móng cột BTXM kích thước 600x600x800mm, lót móng dày 100mm.

1.7.4. Các công trình hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng trại giống cây gồm 07 nhà lưới với tổng diện tích 8.957,4m2; San tạo mặt bằng tổng diện tích 15.627,35m2; Hỗ trợ con giống vật nuôi, cây trồng; Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật.

b) Giải pháp thiết kế cơ sở:

(1) Xây dựng mới trại giống cây tại xã Tri Lễ (thuộc Doanh trại SCH Đoàn KTQP4):

- Giải pháp kiến trúc: Kiểu nhà lưới nông nghiệp, thông gió đỉnh mái cố định 1 bên. Nhà loại 1 (01 cái) có kích thước tim trục 44,0x28,8m; chiều rộng toàn nhà 28,8m gồm 3 block 9,6m. Nhà loại 2 (02 cái) có kích thước tim trục 32,0x28,8m; chiều rộng toàn nhà 28,8m gồm 3 block 9,6m. Nhà loại 3 (02 cái) có kích thước tim trục 32x38,4m; chiều rộng toàn nhà 38,4m gồm 4 block 9,6m. Nhà loại 4 (01 cái) có kích thước tim trục 32x48m; chiều rộng toàn nhà 48m gồm 5 block 9,6m. Nhà loại 5 (01 cái) có kích thước tim trục 28x48m; chiều rộng toàn nhà 48m gồm 5 block 9,6m. Các nhà có ban công trượt gió 2,2m; cao độ máng thoát nước 4,0m; khoảng cách giữa các vì kèo 4,0m.

- Giải pháp kết cấu: Móng đơn BTCT; hệ cột bằng thép hộp mạ kẽm liên kết với móng bằng các bulong neo chôn sẵn trong móng; tường móng xây gạch không nung VXM mác 75. Kết cấu mái bằng hệ các vì kèo, thanh giằng thép hộp mạ kẽm, liên kết bằng bulong kết hợp liên kết hàn.

- Giải pháp hoàn thiện: Màng lợp phủ mái bằng polyethylene bảo vệ cây trồng, chống bám bụi, chống được va đập và độ dẻo dai cao, chịu được các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, ngăn cản côn trùng, sâu bệnh. Trong mái và vách bao quanh dùng màng ngăn côn trùng bằng lưới chống côn trùng với kích thước lỗ 50 mesh (50 lỗ cho 1 inch vuông).

- Giải pháp cấp, thoát nước:

+ Xây dựng 02 bể nước với tổng thể tích 60m³. Kết cấu: Lớp lót đáy bể BT đá 4x6 mác 100 dày 100mm. Thành, đáy, dầm, giằng và nắp bể đổ BTCT đá 1x2 mác 250. Trát thành bể, nắp bể bằng vữa XM mác 75 dày 1,5cm. Láng đáy bể bằng vữa XM mác 100 dày 2,0cm. Quét chống thấm bằng Sika 3 nước (hoặc tương đương). Xây dựng 02 giếng khoan dùng để cấp nước kết hợp đấu nối với hệ thống cấp nước của Doanh trại bằng ống HDPE.

+ Sử dụng máng tôn mạ kẽm đặt ở cao trình 4,5m để thoát nước mái; Sử dụng hệ thống rãnh đất xung quanh trong nhà thu nước mặt và tự ngấm vào nền đất tự nhiên.

- San tạo mặt bằng với diện tích đào 7.955,96m2; diện tích đắp 7.671,39m2; mái taluy đào tại các khu vực tạo mặt bằng được gia cố bằng tấm lát BTXM. Chiều dài L=303,07m, chiều cao 2-:-8m. Kết cấu kè: móng, đỉnh kè xây đá hộc VXM mác 75; giằng gia cố thân kè bằng giằng BTCT; thân kè ốp tấm BTXM lắp ghép kích thước 0,5x0,5m dày 8cm ở giữa để ô trống D300 trồng cỏ.

(2) Hỗ trợ con giống vật nuôi, cây trồng:

TT	Hạng mục	Địa điểm	Đơn vị	Khối lượng
1	Hỗ trợ giống (trâu, bò, lợn, gà, vịt…)	Xã Mường Típ	Hộ	60,0
		Xã Na Ngoi	Hộ	60,0
		Xã Tri lễ	Hộ	30,0
		Xã Quế phong	Hộ	30,0
		Xã Tiền Phong	Hộ	30,0
		Xã Mỹ Lý	Hộ	63,0
2	Hỗ trợ giống lúa nếp Cay Nọi và phân bón	Xã Thông Thụ	Ha	35,0
3	Hỗ trợ giống bò	Xã Mường Típ	con	300,0
		Xã Quế Phong	con	300,0
4	Hỗ trợ giống mận Tam Hoa	Xã Mường Típ	Cây	1.000,0

TT	Hạng mục	Địa điểm	Đơn vị	Khối lượng
5	Hỗ trợ giống trâu	Xã Quế Phong	Con	200,0
6	Hỗ trợ máy cày, máy tuốt lúa	Xã Mường Típ	Cái	50,0

(3) Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Địa điểm	Đơn vị	Khối lượng
1	Tổ chức tập huấn	Xã Na Ngoi	Lớp	10,0
		Xã Mường Típ	Lớp	10,0

1.7.5. Thiết bị, doanh cụ:

Mua sắm, lắp đặt Thiết bị thiết yếu cho trại cây giống và doanh cụ cần thiết cho doanh trại Đoàn KTQP 4 tại Tri Lễ theo mẫu của Tổng Cục Hậu cần/BQP, phù hợp công năng sử dụng cho từng hạng mục.

1.8. Tổng mức đầu: 215,2 tỷ đồng.

1.9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

1.10. Thời gian thực hiện: Năm 2026- 2029.

II. Giới thiệu về gói thầu

1. Giới thiệu về gói thầu

1.1. Căn cứ thực hiện

Căn cứ theo Công văn số 524/QK-HCKT ngày 05/02/2026 của Tư lệnh Quân khu 4 về thực hiện đấu thầu trước khi phê duyệt dự án đối với các dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng các Khu KTQP, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, Gói thầu số TV-16: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán thuộc Dự án nêu trên được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong khi thủ tục phê duyệt dự án đang trong quá trình hoàn thiện (sau đây gọi là "đấu thầu trước"). Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu vẫn phải tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung hợp nhất tại Văn bản số 126/VBHN-VPQH ngày 27/8/2025 (Luật đấu thầu 2023) và Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

1.2. Điều kiện để ký kết hợp đồng

Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư căn cứ Điều 42 Luật Đấu thầu 2023.

1.3. Rủi ro và trách nhiệm của nhà thầu Nhà thầu tham dự thầu

- Hiểu rõ tính chất "đấu thầu trước" của gói thầu;

- Tự đánh giá và chấp nhận các rủi ro có thể phát sinh, bao gồm: chậm ký hợp đồng, hủy thầu, thay đổi phạm vi hoặc quy mô gói thầu;

- Không yêu cầu Chủ đầu tư bồi thường chi phí liên quan đến việc tham dự thầu trong trường hợp gói thầu không được triển khai do chưa đủ điều kiện pháp lý.

1.4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh, đúng quy định pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp trong E-HSMT;

- Thực hiện hủy thầu theo quy định nếu không đủ điều kiện ký kết hợp đồng.

1.5. Hủy thầu và xử lý tình huống

- Trường hợp dự án không được phê duyệt thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu (theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 Luật Đấu thầu 2023).

- Trường hợp dự án được phê duyệt có các nội dung dẫn đến tăng giá gói thầu (hoặc tăng dự toán nếu dự toán được phê duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu) từ 30% trở lên hoặc thay đổi tiêu chuẩn đánh giá quan trọng về kỹ thuật hoặc thay đổi cấp công trình quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành thì chủ đầu tư hủy thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu; trường hợp dự án được phê duyệt không dẫn đến tăng giá gói thầu, dự toán từ 30% trở lên, không thay đổi tiêu chuẩn đánh giá quan trọng về kỹ thuật, cấp công trình quy định trong hồ sơ mời thầu đã phát hành và gói thầu đã lựa chọn được nhà thầu trúng thầu thì chủ đầu tư được sửa đổi, bổ sung khối lượng công việc, hoàn thiện để ký kết hợp đồng với nhà thầu (theo quy định tại Khoản 29 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của chính phủ - Xử lý tình huống trong đấu thầu).

1.6. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu

Thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu có thể được yêu cầu gia hạn phù hợp với tiến độ hoàn thiện thủ tục phê duyệt. Nhà thầu có quyền từ chối gia hạn theo quy định, khi đó hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị.

1.7. Điều khoản cam kết

Việc nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu được hiểu là đã chấp thuận toàn bộ các nội dung của điều khoản này.

2. Tên gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số TV-16: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán;

- Giá gói thầu phê duyệt: 3.286.140.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT 8%).

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026;

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Tuyển chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn khảo sát, lập TKBVTC, DT-TDT phù hợp với quy mô dự án như đã được mô tả nêu trên, đảm bảo những yêu cầu sau đây:

- Đáp ứng được hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề tư vấn phù hợp, có giá dự thầu đảm bảo kinh tế và kỹ thuật;

- Khách quan, công khai, công bằng, minh bạch;

- Đạt yêu cầu tiến độ, chất lượng, đúng quy trình, quy phạm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Phạm vi công việc

Nội dung và phạm vi công việc Khảo sát địa hình, địa chất và lập TKBVTC, DT-TDT phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Khảo sát xây dựng

1.1. Mục đích khảo sát xây dựng: Để làm cơ sở triển khai TKBVTC, DT, TDT. Xác định vị trí, cao độ xây dựng cho các hạng mục xây dựng theo quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch vùng của địa phương tại vị trí xây dựng công trình. Công tác khảo sát địa chất là cơ sở để xác định tính chất cơ lý của đất phục vụ cho tính toán kết cấu chịu lực, thiết kế móng công trình và phân loại cấp đất, đá trong xác định biện pháp thi công san nền và đào, đắp đất cho các hạng mục. Kết quả khảo sát phải đảm bảo điều kiện để tính toán, lựa chọn phương án kỹ thuật theo phương án tối ưu vừa đảm bảo chịu lực nhưng phải tiết kiệm chi phí đầu tư, tráng lãng phí, đầu tư không đúng mục đích, không bám sát nhu cầu sử dụng.

1.2. Khảo sát địa hình:

- Bình đồ tuyến: Đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1,0m;

- Mặt cắt ngang tuyến: Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến;

1.3. Khảo sát địa chất

- Đào hố thăm dò kiểm tra địa chất.

- Thí nghiệm mẫu đất.

- Kết quả khảo sát phải đảm bảo đủ điều kiện để triển khai bước TKBVTC, DT, TDT. Riêng công tác thí nghiệm trong phòng nếu nhà thầu không có năng lực cho phép sử dụng nhà thầu phụ nhưng phải kèm theo Văn bản thỏa thuận theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Kết thúc công tác khoan, lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện thí nghiệm trong phòng và tổng hợp kết quả, nghiệm thu công tác khảo sát địa chất theo đúng quy định Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

1.4. Yêu cầu về chất lượng khảo sát địa hình, địa chất: Công tác khảo sát địa hình, địa chất phải mô tả đúng hiện trạng khu đất, xác định đúng các chỉ tiêu cơ lý của đất, mô ta địa tầng thủy văn để đảm bảo điều kiện triển khai lập TKBVTC, DT, TDT. Kết quả khảo sát phải đủ điều kiện để xác định ranh giới vị trí xây dựng, cao độ các điểm đấu nối hạ tầng, tính toán kết cấu nền móng và phân cấp đất đá, lập biện pháp thi công và dự toán chi phí đối với công trình có vận chuyển đất đá và làm cơ sở lựa chọn phương án và nội dung thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phù hợp với phạm vi, quy mô dự kiến đầu tư; đảm bảo dự án phát huy hiệu đầu tư và làm cơ sở để xác định đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công phù hợp với giá thị trường thuộc địa điểm xây dựng các hạng mục công trình tại thời điểm lập TDT bước TKBVTC.

1.5. Khối lượng khảo sát dự kiến

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	**KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH**		
1.1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100 ha	0,2167
1.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV; (Đường giao thông đo mỗi bên 15m, Kênh tưới + đường ống đo mỗi bên 2.5m)	100m	253,6497
1.3	Phương tiện vận chuyển thiết bị, nhân công	ca	10,0000
2	**KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT VÀ THÍ NGHIỆM**		
2.1	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III (1 hố khoan sâu 5m)	m khoan	60,0000
2.2	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá IV- V (1 hố khoan sâu 5m)	m khoan	15,0000
2.3	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	75,0000
2.4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	24,0000
2.5	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	1 lần TN	4,0000
2.6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	24,0000
2.7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	24,0000

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Khối lượng
2.8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	24,0000
2.9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	24,0000
2.10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	24,0000
2.11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	24,0000
2.12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	24,0000
2.13	Thí nghiệm đá, cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	4,0000
2.14	Phương tiện vận chuyển thiết bị, nhân công		10,0000

2. Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán)

Nội dung và phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, với một số nội dung cơ bản như sau:

- Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (Tổng dự toán) (bao gồm cả phần thuyết minh) tất cả các công việc và các hạng mục công trình thuộc Dự án thành phần số 3: Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2026-2030) Khu KTQP Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An thuộc dự án: Đầu tư xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng/Quân khu 4 gồm các nội dung sau:

+ Căn cứ kết quả khảo sát địa hình, địa chất và thiết kế cơ sở được duyệt. Các nội dung TKBVTC phải đủ điều kiện để tính toán dự toán, tổng dự toán, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, đảm bảo bền vững, giá thành hợp lý và phù hợp hiện trạng và quy hoạch được duyệt, đủ điều kiện pháp lý để báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo làm cơ sở triển khai bước thi công.

+ An toàn, tiết kiệm, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường;

+ Nhà thầu phải đệ trình thiết kế, phương pháp thiết kế cho Chủ đầu tư thông qua trước khi tiến hành thiết kế.

+ Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt cùng với dự toán.

+ Thuyết minh gồm các nội dung theo quy định, phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kiểm tra các số liệu làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; các bản tính toán kết cấu...; giải thích

những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được và các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện lập tổng dự toán, dự toán và lập hồ sơ mời thầu xây lắp; Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

+ Dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình: Chuẩn bị các bảng khối lượng công trình xây dựng và các bảng tính toán khối lượng chi tiết. Dự toán và tổng dự toán được lập trên cơ sở căn cứ quy mô, yêu cầu kỹ thuật, các chỉ tiêu của TKBVTC và yêu cầu của dự án theo đơn giá tại thời điểm hiện hành và vận dụng đơn giá các công trình, hạng mục công trình tương tự đã triển khai trong những năm gần.

- Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế. Bố trí người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm đồ án và chủ trì thiết kế các bộ môn.

- Chỉ sử dụng kết quả khảo sát do Chủ đầu tư cung cấp, sử dụng hồ sơ thiết kế cơ sở Chủ đầu tư cung cấp.

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế.

- Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng, tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;

- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

- Giám sát tác giả theo quy định;

- Lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật cho các hạng mục gói thầu;

- Lập quy trình bảo trì công trình Xây dựng.

- Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ lập thiết kế và dự toán được chủ đầu tư phê duyệt.

3. Danh mục hồ sơ: Nhà thầu phải hoàn thành sản phẩm hợp đồng theo danh mục công việc nêu tại điều khoản tham chiếu. Hình thức, số lượng giao nộp từng sản phẩm hợp đồng theo yêu cầu Chủ đầu tư, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Quốc phòng và Nhà nước.

3.1. Danh mục hồ sơ

TT	Tên hồ sơ	Yêu cầu sản phẩm hợp đồng
1	Hồ sơ Nhiệm vụ thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
2	Phương án thực hiện gói thầu	Hồ sơ đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
3	Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất	Báo cáo đóng thành quyển và được nghiệm thu, ký, đóng dấu xác nhận trên bìa
4	Hồ sơ TKBVTC	Thuyết minh TKBVTC, Hồ sơ thiết kế BVTC có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
5	Thuyết minh tính toán KC	Thuyết minh đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia và đại diện chủ đầu tư ký, đóng dấu xác nhận
6	Dự toán, tổng dự toán	Đóng thành quyển có chữ ký đại diện nhà thầu tư vấn, các cán bộ tham gia ký và đóng dấu xác nhận
7	Quy trình bảo trì, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
8	Hồ sơ nghiệm thu	Đóng thành quyển và được ký, đóng dấu xác nhận các bên liên quan
9	Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án	Các văn bản liên quan đến dự án

3.2. Chất lượng hồ sơ giao nộp: Nhà thầu giao nộp cho Chủ đầu tư hồ sơ theo danh mục nêu tại điểm 3.1 khoản 3 mục này với các bộ bản giấy và 01 USB copy chứa toàn bộ dữ liệu phải được định dạng theo bản gốc phát hành; đối với các báo cáo, thuyết minh theo định dạng MS Word; bảng tính là MS Excel 2007, đảm bảo tính liên kết giữa các file; phông chữ thuộc bảng mã Unicode; các bộ bản vẽ bằng thực hiện trên chức trình Autocad 2007; trường hợp các file có dung lượng lớn thì cần nén định dạng *.zip, *.rar. Các file không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu. Hồ sơ phải được đại diện nhà thầu tư vấn ký, đóng dấu và các cán bộ tham gia lập hồ sơ ký xác nhận, trong đó tối thiểu các chức danh về chủ trì khảo sát, chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định. Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác khảo sát tại hiện trường phải tiến hành cập nhật, chuẩn xác và hoàn thiện báo cáo kết quả khảo sát để Chủ đầu tư nghiệm thu theo đúng quy định.

3.3. Địa điểm giao nộp hồ sơ: Đoàn KTQP 4/QK4 - Địa chỉ: Bản Phù Khả 2, xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An.

3.4. Đối với các hồ sơ có sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu) thì nhà thầu sẽ phải chuẩn xác lại, trường hợp không đủ cơ sở để chuẩn xác lại được thì phải loại bỏ, việc khắc phục, chuẩn xác lại không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu.

4. Thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn

Dự kiến nhà thầu trúng thầu triển khai thực hiện dịch vụ tư vấn ngay sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện

- Các báo cáo phải nộp bao gồm: Thực hiện chế độ giao ban tiến độ vào 08 giờ 30 phút sáng thứ 2 hàng tuần tại Đoàn KTQP 4/QK4, Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo bằng văn bản về tiến độ thực hiện công việc.

- Thời gian thực hiện: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu: Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

VI. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi tiến độ và phối hợp giải quyết các vướng mắc (nếu có); cung cấp những tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công trình cho tổ chức tư vấn (trong phạm vi cho phép); thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác có liên quan đến dự án khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản, Chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

- Kiểm tra năng lực nhà thầu so với Hồ sơ dự thầu.

- Bố trí cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn;

- Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định;

- Thanh toán kinh phí tư vấn cho nhà thầu khi nhà nước cấp vốn;

- Lưu trữ hồ sơ mời thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.